

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ IA KO (ĐỢT 02)

(Kèm theo Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Ia Ko)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch giao năm 2025				Lấy kế kết quả giải ngân vốn từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm sắp nhập xã				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh (lần 1)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	193.0	193.0	0.0	0.0	117.6	117.6	0.0	0.0	75.4	75.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	75.4	75.4	0.0	0.0	
1	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	100.0	100.0	0.0	0.0	60.0	60.0	0.0	0.0	40.0	40.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	40.0	40.0	0.0	0.0	
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;...	100.0	100.0			60.0	60.0			40.0	40.0			0.0				40.0	40.0			Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
2	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới	93.0	93.0	0.0	0.0	57.6	57.6	0.0	0.0	35.4	35.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	35.4	35.4	0.0	0.0	
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; Nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng (Kinh phí Quản lý chương trình)	48.0	48.0			33.0	33.0			15.0	15.0			0.0				15.0	15.0			Phòng kinh tế xã Ia Ko
	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	45.0	45.0			24.6	24.6			20.4	20.4			0.0				20.4	20.4			Phòng kinh tế xã Ia Ko
II	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2,272.5	1,982.0	0.0	290.5	0.0	0.0	0.0	0.0	3,109.300	2,781.068	32.606	295.626	-	-	-	-	3,109.300	2,781.068	32.606	295.626	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	126.0	126.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	126	126	-	-	-	-	-	-	126	126	-	-	

TT	Nội dung	Kế hoạch giao năm 2025				Lũy kế kết quả giải ngân vốn từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm sắp nhập xã				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh (lần 1)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	
	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	30.0	30.0							30	30	-	-	-				30	30	-	-	Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	96.0	96.0							96	96	-	-	-				96	96	-	-	Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	729.6	686.7	0.0	42.9	0.0	0.0	0.0	0.0	2,227.300	2,128.068	32.606	66.626	-2,227.300	-2,128.068	-32.606	-66.626	-	-	-	-	
	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	717.6	674.7		42.9					2,227.300	2,128.068	32.606	66.626	- 2,227.300	-2,128.068	-32.606	-66.626	-	-	-	-	Phòng Kinh tế xã Ia Ko
	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	12.0	12.0							-	-	-	-	0				-	-	-	-	Phòng Kinh tế xã Ia Ko
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	70.0	60.0	0.0	10.0	0.0	0.0	0.0	0.0	70	60	-	10	2,613.300	2,395.068	32.606	185.626	2,683.300	2,455.068	32.606	195.626	
	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DB DTTS&MN	70.0	60.0		10.0					70	60	-	10	2,613.300	2,395.068	32.606	185.626	2,683.300	2,455.068	32.606	195.626	BQL các Chương trình MTQG xã
	- Duy tu, sửa chữa đường liên xã (Đoạn từ Cống Ia Hlốp đến trụ sở UBND xã Ia Ko)																	683.300	455.068	32.606	195.626	
	- Đường làng Vel đi làng Sur A (01km)																	1,000	1,000			
	- Đường đi làng Tol, làng Plong (01km)																	1,000	1,000			
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1,005.3	786.3	0.0	219.0	0.0	0.0	0.0	0.0	686.0	467.0	-	219.0	-386	-267	-	-119	300	200	-	100	
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	686.0	467.0		219.0					486.0	267.0	-	219.0	-386	-267		-119	100	-	-	100	Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
	Tiểu dự án 2- Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	42.0	42.0							-	-	-	-	0				-	-	-	-	

TT	Nội dung	Kế hoạch giao năm 2025				Lấy kế kết quả giải ngân vốn từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm sắp nhập xã				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh (lần 1)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	220.316	220.316							200.0	200.0	-	-	0				200	200	-	-	Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	57.0	57.0							-	-	-	-	0				-	-	-	-	
5	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	146.0	133.0		13.0					-	-	-	-	0				-	-	-	-	
6	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	52.0	50.0	0.0	2.0	0.0	0.0	0.0	0.0	-	-	-	-	0	0	-	0	-	-	-	-	
	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	52.0	50.0		2.0					-	-	-	-	0				-	-	-	-	
7	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	143.6	140.0	0.0	3.6	0.0	0.0	0.0	0.0	-	-	-	-	0	0	0	0	-	-	-	-	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1,635.0	1,486.0	0.0	149.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1,635	1,486	-	149	-	-	-	-	1,635	1,486	-	149	
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	635	578	0	57	0				635	578	-	57	-				635	578	-	57	BQL các Chương trình MTQG xã
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	158	143	0	15	0	0	0	0	802	784	-	18	-100	-100	-	-	702	684	-	18	BQL các Chương trình MTQG xã
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	158	143		15					802	784	-	18	-100	-100			702	684	-	18	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	734	667	0	67	0	0	0	0	90	26	-	64	100	100	-	-	190	126	-	64	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	487	443		44					70	26	-	44	-				70	26	-	44	Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	247	224		23					20	-	-	20	100	100			120	100	-	20	Phòng Văn Hoá - Xã hội xã Ia Ko
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	108	98	0	10	0	0	0	0	108	98	-	10	-	-	-	-	108	98	-	10	

TT	Nội dung	Kế hoạch giao năm 2025				Lũy kế kết quả giải ngân vốn từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm sắp nhập xã				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh (lần 1)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã (thuộc phần đối ứng của NS cấp huyện giao trước đây)	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	60	55		5					60	55	-	5	-				60	55	-	5	Phòng Kinh tế xã Ia Ko
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	48	43		5					48	43	-	5	-				48	43	-	5	Phòng Kinh tế xã Ia Ko